

Số: /QĐ-UBND

Bình Định, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi
Công trình: Đập dâng Bình Thạnh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017;

Căn cứ Nghị định số 129/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi;

Căn cứ Quyết định số 87/2020/QĐ-UBND ngày 18/12/2020 của UBND tỉnh Ban hành Quy định phân cấp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 64/2020/QĐ-UBND ngày 17/9/2020; Quyết định số 59/2021/QĐ-UBND ngày 30/9/2021 và Quyết định số 73/2022/QĐ-UBND ngày 30/11/2022 của UBND tỉnh Ban hành Quy định phân cấp quản lý, khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 3409/QĐ-UBND ngày 20/10/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành; Dự án: Khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai một số tỉnh miền Trung - tỉnh Bình Định, dự án thành phần: Sửa chữa, nâng cấp các đập dâng;

Căn cứ Quyết định số 4281/QĐ-UBND ngày 19/12/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh Quyết định số 3409/QĐ-UBND ngày 20/10/2022 của UBND tỉnh;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 18/TTr-SNN ngày 16/01/2023 và ý kiến của Sở Tài chính tại Văn bản số 97/STC-DNTH ngày 11/01/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi công trình đập dâng Bình Thạnh do UBND tỉnh là chủ sở hữu, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là chủ quản lý, Công ty TNHH Khai thác công trình thủy lợi Bình Định là chủ thể khai thác, cụ thể như sau:

1. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi công trình đập dâng Bình Thạnh.

2. Loại công trình: Công trình phục vụ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. Địa điểm công trình: thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.

4. Nguyên giá công trình: 25.737.616.000 đồng.

(Có phụ lục danh mục tài sản giao quản lý kèm theo)

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức thực hiện tiếp nhận tài sản, đồng thời thực hiện các thủ tục theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 5 Nghị định số 129/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ và điểm a khoản 1 Điều 10 Quyết định số 87/2020/QĐ-UBND ngày 18/12/2020 của UBND tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Công ty TNHH Khai thác công trình thủy lợi Bình Định và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- PVP NN;
- Lưu: VT, K10.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục 1
Danh mục giá trị tài sản giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi
Công trình: Đập dâng Bình Thạnh
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: đồng

STT	Danh mục tài sản	Địa điểm	Đơn vị tính	Số lượng	Năm xây dựng	Năm bàn giao	Diện tích		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Tình trạng tài sản	Ghi chú
							Đất (m ²)	Sàn sử dụng (m ²)				
01	Công trình Đập dâng Bình Thạnh	thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định	cái	1	2020	2021	10.571		25.737.616.000	25.737.616.000	Đang sử dụng	

Phụ lục 2
Danh mục tài sản chi tiết đề nghị giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi
Công trình: Đập dâng Bình Thạnh
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: đồng

STT	Danh mục tài sản	Địa điểm	Đơn vị tính	Số lượng	Năm xây dựng	Năm bàn giao	Diện tích		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Tình trạng tài sản	Ghi chú
							Đất (m ²)	Sàn sử dụng (m ²)				
1	Đập dâng	thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định	cái	01	2020	2021	5.755		21.154.995.226	21.154.995.226	Đang sử dụng	
1.1	Đập dâng		cái	01	2020	2021			18.505.881.715	18.505.881.715	Đang sử dụng	Xây dựng mới, ngưỡng đập L = 9,0 m, đập bố trí 06 khoang cửa x 4m = 24,0 m; 9 trụ pin tổng bề rộng = 10,80 m; và tổng bề rộng các khoang tràn tự do là 51,20 m, tổng bề rộng đập là 86,0 m, vận hành bằng cửa van phẳng thép, đóng mở bằng máy vít me, đỉnh cửa cao hơn đỉnh khoang tràn 20 cm.

STT	Danh mục tài sản	Địa điểm	Đơn vị tính	Số lượng	Năm xây dựng	Năm bàn giao	Diện tích		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Tình trạng tài sản	Ghi chú
							Đất (m ²)	Sàn sử dụng (m ²)				
												Kết cấu: Ngưỡng đập, tường bên, trụ pin, bê tông M250 đá 2x4cm; Cầu giao thông BTCT M300 đá 1x2cm; dưới ngưỡng đập kết cấu bê tông độn đá hộc (BT M150 đá 4x6cm, đá hộc D = 30cm-40cm); sàn vận hành phai sửa chữa, trụ và sàn cầu công tác bê tông M250 đá 1x2cm. Tại vị trí tiếp giáp giữa ngưỡng đập với sân trước và bề tiêu năng được chống thấm bằng khớp nối Sika O32.
1.2	Lan can tường bên ngưỡng, bê đập		cái	01	2020	2021			66.897.138	66.897.138	Đang sử dụng	Được lắp đặt ở cao trình +15.80÷+14.35, được làm bằng ống sắt tráng kẽm D90 dày 3 mm
1.3	Giàn cầu công tác		cái	01	2020	2021			685.045.300	685.045.300	Đang sử dụng	Kết cấu bằng BTCT M250 đá 1x2cm, bê tông thủy công đạt w = 6 đối với BT250

STT	Danh mục tài sản	Địa điểm	Đơn vị tính	Số lượng	Năm xây dựng	Năm bàn giao	Diện tích		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Tình trạng tài sản	Ghi chú
							Đất (m ²)	Sàn sử dụng (m ²)				
1.4	Cầu giao thông		cái	01	2020	2021		352.7	1.875.104.738	1.875.104.738	Đang sử dụng	Bề rộng mặt cầu B = 3,4 m, kết cấu dầm BTCT, tải trọng qua cầu H10; Cầu giao thông BTCT M300 đá 1x2cm.
1.5	Mốc cơ bản		cái	02	2020	2021			18.274.832	18.274.832	Đang sử dụng	Được làm bằng thép ống D80 dày 5 mm trong trụ BT M100, phía trên có bố trí dẫy nắp bằng tấm đan
1.6	Mốc quan trắc lún và chuyển vị		cái	06	2020	2021			567.351	567.351	Đang sử dụng	Bố trí 02 cái trên bề mặt đập, 02 cái bờ hữu và 02 bờ tả đập; kích thước mặt bằng bxxh = 30x30cm, được lắp đặt bởi thép d14, phía trên nắp dẫy là thép tấm SUS304, kích thước 100x100x8mm
1.7	Cọc giải phóng mặt bằng		cái	06	2020	2021			1.930.387	1.930.387	Đang sử dụng	Kích thước mặt bằng dài x rộng = 35x35cm, quy cách cọc kích thước bxxh = 15x94cm cọc BTCT M250, mặt chính

STT	Danh mục tài sản	Địa điểm	Đơn vị tính	Số lượng	Năm xây dựng	Năm bàn giao	Diện tích		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Tình trạng tài sản	Ghi chú
							Đất (m ²)	Sàn sử dụng (m ²)				
												có ghi chữ chìm sơn đỏ cọc GPMB, mặt biên chữ phun sơn đỏ Đập Bình Thạnh
1.8	Thước đo nước thượng, hạ lưu đập		cái	02	2020	2021			10.331.602	10.331.602	Đang sử dụng	Được lắp đặt bằng gạch men có màu trắng, đồ xen kẽ với nhau, các chữ số được cắt chữ bằng thép tấm SUS 304 dày 2 mm, hàn vào bulong và gắn vào tường biên
2	Cửa van, khe van, cửa phai				2020	2021			1.971.680.921	1.971.680.921	Đang sử dụng	
2.1	Cửa van		cái	06	2020	2021			1.274.652.869	1.274.652.869	Đang sử dụng	Kích thước (bxh) = (4,328x2,2)m, bằng thép. Cửa van kiểu phẳng - bánh xe lăn, kết cấu kiểu dầm. Dầm chính là dầm I, U được tổ hợp từ thép tấm.
2.2	Khe van		cái	06	2020	2021			492.882.014	492.882.014	Đang sử dụng	Phân đặt sẵn trong bê tông: cấu tạo bằng thép CT38.

STT	Danh mục tài sản	Địa điểm	Đơn vị tính	Số lượng	Năm xây dựng	Năm bàn giao	Diện tích		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Tình trạng tài sản	Ghi chú
							Đất (m ²)	Sàn sử dụng (m ²)				
2.3	Cửa phai		cái	03	2020	2021			204.146.038	204.146.038	Đang sử dụng	Kết cấu bằng thép CT38. Kích thước 4,35m x 0,65m x 3 cấu kiện. Bộ phai thép này dùng để thay thế cửa khi cần sửa chữa.
3	Hệ thống điều khiển điện				2020	2021			134.243.250	134.243.250	Đang sử dụng	
3.1	Điện điều khiển và chống sét				2020	2021			117.127.570	117.127.570	Đang sử dụng	Lắp đặt đường dẫn CVV 4x16m ² dài 60 m; bố trí các xà đỡ dây L50x5x0.6m. Bố trí cột thu lôi chống sét có chiều cao 7,5 m, bên trong có dây thu sét d8, trên cùng là kim thu sét loại PDC3.3
3.2	Đường dây 0.4KV		m	40	2020	2021			17.115.680	17.115.680	Đang sử dụng	Phía bờ nam đập cạnh khuôn viên khu nhà quản lý đã có TBA 150KVA đủ cấp điện cho trạm bơm và hệ thống điện điều khiển của đập dâng. Xây dựng đường dây điện 0,4KV

STT	Danh mục tài sản	Địa điểm	Đơn vị tính	Số lượng	Năm xây dựng	Năm bàn giao	Diện tích		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Tình trạng tài sản	Ghi chú
							Đất (m ²)	Sàn sử dụng (m ²)				
												từ trạm biến áp đã có tới nhà quản lý vận hành tổng chiều dài 40 m; Lắp đặt cáp nhôm vặn xoắn LV-ABC-4x50m2
4	Nhà quản lý		cái	01	2020	2021		299.32	1.046.252.365	1.046.252.365	Đang sử dụng	
4.1	Nhà quản lý		cái	01	2020	2021		105.2	621.276.075	621.276.075	Đang sử dụng	Nhà quản lý và chứa phai bố trí phía vai phải đập; nhà quản lý có diện tích xây dựng S = 119,16m ² . Nhà cấp 4, kết cấu khung bằng BTCT M200, xây gạch bao che, phần mái bằng bê tông cốt thép. Cao độ mặt sân +15,3m, cao độ nền nhà +15,80m
4.2	Sân nền bê tông		cái	01	2020	2021			78.618.413	78.618.413	Đang sử dụng	Bê tông nền M200 đá 1x2cm

STT	Danh mục tài sản	Địa điểm	Đơn vị tính	Số lượng	Năm xây dựng	Năm bàn giao	Diện tích		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Tình trạng tài sản	Ghi chú
							Đất (m ²)	Sàn sử dụng (m ²)				
4.3	Điện chiếu sáng		cái	01	2020	2021			23.565.512	23.565.512	Đang sử dụng	Bố trí 01 bộ con sơn đóng điện xà thép và lắp đặt 03 quạt trần; 12 bộ bóng đèn dài 1,2m; 04 quạt treo tường; 12 loại công tắc và các thiết bị liên quan khác
4.4	Bể tự hoại		cái	01	2020	2021			37.111.938	37.111.938	Đang sử dụng	Kết cấu bê tông M200 đá 1x2cm, phía trên có bố trí tấm đan loại BTM200 đá 1x2cm
4.5	Cấp thoát nước		cái	01	2020	2021			35.680.856	35.680.856	Đang sử dụng	Gồm máy bơm nước; 01 bể nước inox 1m ³ ; hệ thống dẫn nước phục vụ sinh hoạt và các thiết bị liên quan khác
4.6	Tường rào, cổng ngõ		cái	01	2020	2021			249.999.571	249.999.571	Đang sử dụng	Gồm các trụ bê tông cột M200 đá 1x2cm; cổng mở có bánh đường xe, đường ray trượt, khung thép hộp mạ kẽm, song sắt hộp d16mm.
5	Đường quản lý vận hành		cái	01	2020	2021	1453.82		576.355.212	576.355.212	Đang sử dụng	Dài 132,80 m, bề rộng mặt đường 5 m, kết cấu mặt đường BT250; kết cấu mái tatuy đường và chân khay BT M200

STT	Danh mục tài sản	Địa điểm	Đơn vị tính	Số lượng	Năm xây dựng	Năm bàn giao	Diện tích		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Tình trạng tài sản	Ghi chú
							Đất (m ²)	Sàn sử dụng (m ²)				
6	Thiết bị cơ khí				2020	2021			705.381.823	705.381.823	Đang sử dụng	
6.1	Máy đóng mở cửa van		bộ	06	2020	2021			693.108.871	693.108.871	Đang sử dụng	Máy đóng mở cửa van kiểu vít 10VĐ-2 (quay tay - chạy điện); Sức nâng 10T, trục vít 02-thép C45, F70, L = 6 m, Lr = 5.8m, ren thang p = 10 mm, tốc độ nâng bằng tay 5m/h, tốc độ nâng bằng điện 7,5m/h; động cơ 3 pha -380V, 50Hz, i=1/10, N=2.2Kw, n=14
6.2	Trục nổi		m	2,2	2020	2021			3.292.743	3.292.743	Đang sử dụng	Thép C45, F70
6.3	Xe nâng tay		cái	2	2020	2021			8.980.209	8.980.209	Đang sử dụng	Loại HPT- Đà Loan 2÷5T
7	Thiết bị đo nước tự động		Trạm	1	2020	2021			148.707.203	148.707.203	Đang sử dụng	Tủ thiết bị thu thập số liệu KT 406x757x275, SUS 201 dày 1.5 mm, bảo vệ bằng khóa, Xuất xứ Việt Nam; Thiết bị thu thập và truyền số

STT	Danh mục tài sản	Địa điểm	Đơn vị tính	Số lượng	Năm xây dựng	Năm bàn giao	Diện tích		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Tình trạng tài sản	Ghi chú
							Đất (m ²)	Sàn sử dụng (m ²)				
												liệu qua mạng điện thoại di động thông qua dịch vụ GPRS/GPRS - Mã hiệu: MBD200; tiêu chuẩn vận hành: Ngoài trời; Nhiệt đới hóa; - Nguồn cấp: 6-24VDC; - Truyền thông: kết nối RS232/RJ45; Kết nối qua mạng di động GSM 4 băng tần: 900/1800/850/1900 có khả năng truyền thông qua các phương thức: SMS/GPRS/EGPRS; Hiển thị vào: 04 đầu vào Analog độ phân giải 16 bit; 02 đầu vào số; Tín hiệu ra: 02 đầu ra số; Xuất xứ Việt Nam. Tích hợp 01 cảm biến đo mực nước bằng nguyên lý áp suất thủy tĩnh dải đo 0-10m - Pin năng lượng mặt trời 65W-65Wp, điện áp ra lớn nhất 22,5V - Bộ điều khiển Pin mặt trời/Sạc acquy; Dòng

STT	Danh mục tài sản	Địa điểm	Đơn vị tính	Số lượng	Năm xây dựng	Năm bàn giao	Diện tích		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Tình trạng tài sản	Ghi chú
							Đất (m ²)	Sàn sử dụng (m ²)				
												điện cực đại 10A, điện áp vào tối đa 60VDC, điện áp ra 12VDC - Bộ tích năng lượng mặt trời (ắc quy khô); Dung lượng 55Ah; Điện áp 12VDC - Hộp đấu nối dây và bảo vệ đầu đo: Kích thước: 300 x400 x250mm; Inox 201 dày 1.5 mm, bảo vệ bằng khóa - Đăng ký thẻ sim điện thoại và cước phí thử nghiệm hệ thống